

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHẨM CHẤT NHÂN ÁI CHO HỌC VIÊN TẠI TRUNG TÂM GDNN-GDTX PHỤNG HIỆP, XÃ HIỆP HUNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Phạm Thị Dạ Hương

HV cao học quản lý giáo dục, Đại học Trà Vinh

Email: huongptd.gdtxngabay@haugiang.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm phân tích thực trạng quản lý hoạt động giáo dục phẩm chất nhân ái cho học viên tại Trung tâm GDNN-GDTX Phụng Hiệp, xã Hiệp Hưng, thành phố Cần Thơ. Trên cơ sở lý luận về quản lý giáo dục và giáo dục phẩm chất, nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi kết hợp phỏng vấn sâu và quan sát thực tiễn. Mẫu nghiên cứu bao gồm cán bộ quản lý, giáo viên và học viên của trung tâm. Nội dung nghiên cứu tập trung vào các chức năng quản lý như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục phẩm chất nhân ái. Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác quản lý đã bước đầu được triển khai theo định hướng phát triển phẩm chất người học; tuy nhiên, vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như kế hoạch chưa cụ thể, nội dung hoạt động còn đơn điệu, phương pháp tổ chức thiếu tính trải nghiệm và việc kiểm tra, đánh giá chưa thường xuyên. Sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường còn chưa chặt chẽ, ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục. Từ thực trạng đó, nghiên cứu đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục phẩm chất nhân ái, góp phần phát triển toàn diện nhân cách học viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Quản lý giáo dục; phẩm chất nhân ái; hoạt động giáo dục; học viên; trung tâm GDNN-GDTX.

CURRENT SITUATION OF MANAGING COMPASSION EDUCATION ACTIVITIES FOR LEARNERS AT PHUNG HIEP VOCATIONAL EDUCATION AND CONTINUING EDUCATION CENTER, HIEP HUNG COMMUNE, CAN THO CITY

Abstract: This study aims to analyze the current situation of managing compassion education activities for learners at Phung Hiep Vocational Education and Continuing Education Center, Hiep Hung Commune, Can Tho City. Based on theoretical foundations of educational management and character education, the study employs survey methods using questionnaires combined with in-depth interviews and field observations. The research sample includes administrators, teachers, and learners at the center. The research focuses on key management functions, including planning, organizing, directing, and evaluating compassion education activities. The findings indicate that management practices have initially been implemented in line with the orientation toward developing learners' qualities; however, several limitations remain. Specifically, planning lacks specificity, educational content is still monotonous, organizational methods lack experiential aspects, and evaluation activities are not conducted regularly. In addition, the coordination among educational stakeholders both inside and outside the institution remains insufficient, which negatively affects educational effectiveness. Based on these findings, the study proposes several measures to improve the effectiveness of managing compassion education activities, thereby contributing to the holistic development of learners' character and meeting the requirements of current educational reform.

Keywords: Educational management; compassion; educational activities; learners; vocational and continuing education center.

Nhận bài: 01/03/2026

Phản biện: 26/03/2026

Duyệt đăng: 29/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay, việc phát triển phẩm chất và năng lực người học được xác định là mục tiêu cốt lõi của quá trình giáo dục. Trong đó, phẩm chất nhân ái không chỉ là một giá trị đạo đức nền tảng mà còn là yếu tố quan trọng góp phần hình thành nhân cách, thái độ sống tích cực và trách nhiệm xã hội của người học. Theo quan điểm của UNESCO, giáo dục không chỉ nhằm truyền thụ tri thức mà còn hướng đến phát triển con người toàn diện, bao gồm các giá trị nhân văn, sự đồng cảm và tinh thần hợp tác trong cộng đồng (UNESCO, 2015).

Tại Việt Nam, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhấn mạnh việc hình thành và phát triển 5 phẩm chất chủ yếu cho người học, trong đó phẩm chất nhân ái giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, nhân văn. Tuy nhiên, trong thực tiễn, việc tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục nhằm phát triển phẩm chất này tại các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX), vẫn còn nhiều hạn chế về nội dung, hình thức và phương thức triển khai.

Các nghiên cứu trước đây cho thấy, quản lý hoạt động giáo dục có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hình thành phẩm chất và năng lực của

người học (Nguyễn Thị Mỹ Lộc, 2016; Trần Kiêm, 2018). Đồng thời, theo Howard Gardner (2011), việc giáo dục các giá trị đạo đức cần được thực hiện thông qua các hoạt động trải nghiệm, tương tác xã hội và môi trường giáo dục tích cực. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với công tác quản lý trong việc thiết kế, tổ chức và kiểm soát các hoạt động giáo dục phù hợp với đặc điểm của người học tại các trung tâm GDNN-GDTX. Xuất phát từ những lý do trên, việc nghiên cứu “Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục phẩm chất nhân ái cho học viên tại Trung tâm GDNN-GDTX Phụng Hiệp, xã Hiệp Hưng, thành phố Cần Thơ” có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần làm rõ thực trạng mà còn đề xuất các giải pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục phẩm chất nhân ái cho học viên trong bối cảnh hiện nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu văn bản tài liệu, điều tra bằng bảng hỏi. Kết quả thu được sẽ xử lý bằng phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học, xác định các tần số tuyệt đối (số đếm); Khách thể nghiên cứu 29 cán bộ quản lý, giáo viên tại Trung tâm GDNN-GDTX Phụng Hiệp xã Hiệp Hưng, thành phố Cần Thơ.

2.2. Một số khái niệm

Quản lý hoạt động giáo dục phẩm chất nhân ái là quá trình lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra – đánh giá các hoạt động giáo dục nhằm hình thành và phát triển ở người học các giá trị nhân ái, thông qua việc huy động và phối hợp hiệu quả các nguồn lực giáo dục trong và ngoài nhà trường.

2.3. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục phẩm chất nhân ái cho học viên tại trung tâm GDNN-GDTX Phụng Hiệp xã Hiệp Hưng, thành phố Cần Thơ

Kết quả khảo sát cho thấy công tác lập kế hoạch giáo dục phẩm chất nhân ái được triển khai ở mức khá, với ĐTB = 3,93 và ĐLC = 0,67, phản ánh mức độ thống nhất tương đối trong nhận định của cán bộ quản lý và giáo viên. Trong các nội dung khảo sát, lập kế hoạch lồng ghép mục tiêu giáo dục phẩm chất nhân ái vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhà trường đạt kết quả cao nhất (ĐTB = 4,28; xếp hạng 1). Tỷ lệ đánh giá ở mức khá và tốt chiếm trên 90%, cho thấy việc tích hợp mục tiêu giáo dục vào kế hoạch chung đã được quan tâm

và thực hiện tương đối đồng bộ, góp phần đảm bảo tính định hướng và tính hệ thống trong hoạt động giáo dục. Tiếp theo là nội dung lập kế hoạch theo năm học, tháng, tuần (ĐTB = 4,14; xếp hạng 2). Kết quả này phản ánh nhà trường đã chú trọng xây dựng kế hoạch theo tiến trình thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai và kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ nhất định ý kiến ở mức trung bình, cho thấy việc cụ thể hóa kế hoạch ở một số thời điểm chưa thật sự chi tiết hoặc chưa đồng đều giữa các bộ phận.

Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể cho các lực lượng giáo dục đạt mức khá (ĐTB = 3,90), song tỷ lệ đánh giá ở mức trung bình còn tương đối cao (31,0%). Điều này cho thấy việc xác định rõ trách nhiệm và sự phối hợp giữa các lực lượng trong nhà trường chưa thật sự chặt chẽ, có thể ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai các hoạt động giáo dục phẩm chất nhân ái. Đáng chú ý, nội dung lập kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất có mức đánh giá thấp nhất (ĐTB = 3,38; xếp hạng 4). Tỷ lệ ý kiến ở mức trung bình và yếu chiếm trên 50%, trong khi mức tốt rất thấp. Kết quả này phản ánh hạn chế trong việc chuẩn bị điều kiện vật chất phục vụ hoạt động giáo dục, có thể do nguồn lực tài chính còn hạn chế hoặc chưa có sự ưu tiên đúng mức trong công tác lập kế hoạch.

Tác giả phỏng vấn GV Phạm Thanh Th chia sẻ: “Chúng tôi chủ yếu sử dụng cơ sở vật chất sẵn có, chưa có kế hoạch riêng cho việc đầu tư phục vụ giáo dục phẩm chất nhân ái. Việc đề xuất mua sắm thường ưu tiên cho dạy học văn hóa hoặc nghề, còn các hoạt động giáo dục phẩm chất ít được đầu tư riêng” (PVS5_PL2). Như vậy có thể thấy, việc lập kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất còn chịu ảnh hưởng bởi hạn chế về nguồn lực và định hướng ưu tiên, từ đó làm giảm tính chủ động và hiệu quả trong việc chuẩn bị điều kiện cho giáo dục phẩm chất nhân ái.

Nhìn chung, công tác lập kế hoạch giáo dục phẩm chất nhân ái đã có nền tảng tương đối tốt, đặc biệt ở khía cạnh lồng ghép mục tiêu và xây dựng kế hoạch theo tiến trình thời gian. Tuy nhiên, các nội dung liên quan đến phân công trách nhiệm và đảm bảo điều kiện thực hiện vẫn còn hạn chế. Điều này cho thấy trong thời gian tới cần: Tăng cường phân công rõ ràng trách nhiệm giữa các lực lượng giáo dục; Quan tâm hơn đến kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất; Nâng cao tính cụ thể và khả thi của kế hoạch nhằm đảm bảo hiệu quả triển khai.

2.3.1. Thực trạng quản lý tổ chức hoạt động giáo dục phẩm chất nhân ái cho học viên tại trung tâm GDNN-GDTX Phụng Hiệp xã Hiệp Hưng, thành phố Cần Thơ

Kết quả khảo sát cho thấy công tác quản lý tổ chức hoạt động giáo dục phẩm chất nhân ái tại Trung tâm GDNN-GDTX Phụng Hiệp được thực hiện ở mức khá, với điểm trung bình chung 3,87 và độ lệch chuẩn 0,67. Điều này phản ánh sự đồng thuận tương đối giữa cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ triển khai hoạt động. Trong các nội dung khảo sát, việc thành lập Ban chỉ đạo giáo dục phẩm chất nhân ái được đánh giá cao nhất, đạt điểm trung bình 4,14. Kết quả này cho thấy nhà trường đã bước đầu chú trọng xây dựng bộ máy chỉ đạo, tạo nền tảng tổ chức cho việc triển khai các hoạt động giáo dục theo định hướng rõ ràng. Xếp thứ hai là nội dung ban hành văn bản hướng dẫn, đạt điểm trung bình 4,03, phản ánh sự quan tâm đến việc cụ thể hóa chủ trương giáo dục bằng các văn bản chỉ đạo nhằm định hướng cho giáo viên và các lực lượng liên quan.

Tuy nhiên, các nội dung liên quan đến quy định chức năng, nhiệm vụ và xây dựng quy chế phối hợp lại có điểm thấp hơn, lần lượt đạt 3,76 và 3,66. Điều này cho thấy việc phân công trách nhiệm giữa các lực lượng giáo dục chưa thật sự rõ ràng và cơ chế phối hợp còn thiếu chặt chẽ. Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy nhiệm vụ giáo dục phẩm chất thường được giao chung cho giáo viên chủ nhiệm, chưa có sự phân công cụ thể nên đôi khi xảy ra chồng chéo, còn sự phối hợp giữa các bộ phận chủ yếu mang tính tự phát, hiệu quả chưa cao. Nhìn chung, công tác tổ chức bộ máy và ban hành quy định đã được triển khai nhưng chưa thật sự đồng bộ và chưa đi vào chiều sâu. Vì vậy, trong thời gian tới cần tiếp tục hoàn thiện quy chế phối hợp, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên và tăng cường tính liên kết trong tổ chức thực hiện để nâng cao hiệu quả giáo dục phẩm chất nhân ái cho học viên.

2.3.2. Thực trạng chỉ đạo hoạt động giáo dục phẩm chất nhân ái cho học viên tại trung tâm GDNN-GDTX Phụng Hiệp xã Hiệp Hưng, thành phố Cần Thơ

Công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục phẩm chất nhân ái được đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình chung 3,78 và độ lệch chuẩn 0,67. So với các nội dung quản lý khác, đây là mức thấp

hơn, cho thấy khâu chỉ đạo vẫn còn những hạn chế nhất định cần được cải thiện. Nội dung được đánh giá cao nhất là chỉ đạo thông qua dạy học các môn văn hóa, đạt điểm trung bình 4,10. Điều đó cho thấy nhà trường đã chú trọng lồng ghép giáo dục phẩm chất nhân ái vào quá trình dạy học chính khóa, coi đây là kênh giáo dục ổn định, có tính hệ thống và dễ kiểm soát. Xếp thứ hai là chỉ đạo thông qua hoạt động ngoại khóa và sinh hoạt tập thể, đạt điểm trung bình 3,97. Kết quả này phản ánh các hoạt động ngoài giờ lên lớp cũng đã được quan tâm, tuy nhiên mức độ triển khai chưa thật sự đồng đều và chưa phát huy hết tiềm năng giáo dục.

Ở mức thấp hơn là nội dung chỉ đạo phối hợp các tổ chức trong nhà trường, đạt 3,83. Điều này cho thấy sự phối hợp giữa các bộ phận trong nhà trường chưa thật sự chặt chẽ, đôi khi còn mang tính hình thức hoặc thiếu cơ chế điều phối hiệu quả. Đặc biệt, nội dung chỉ đạo phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội có điểm thấp nhất, chỉ đạt 3,28. Tỷ lệ ý kiến ở mức trung bình và yếu chiếm ưu thế cho thấy việc huy động các lực lượng ngoài nhà trường tham gia vào quá trình giáo dục phẩm chất nhân ái còn nhiều hạn chế, mối liên kết giữa ba môi trường giáo dục chưa thực sự hiệu quả. Kết quả phỏng vấn giáo viên cũng cho thấy tuy nhà trường đã có định hướng phối hợp nhưng chưa xây dựng được cơ chế cụ thể; việc trao đổi với phụ huynh chủ yếu chỉ diễn ra khi học viên có vấn đề, còn sự kết nối với các tổ chức xã hội vẫn còn hạn chế do thiếu đầu mối và điều kiện tổ chức. Như vậy, công tác chỉ đạo hiện vẫn tập trung chủ yếu trong phạm vi nội bộ nhà trường, trong khi sự phối hợp với gia đình và xã hội còn yếu. Điều này đặt ra yêu cầu phải tăng cường cơ chế phối hợp giữa ba môi trường giáo dục, nâng cao vai trò điều phối của cán bộ quản lý và đa dạng hóa hình thức chỉ đạo để nâng cao hiệu quả giáo dục phẩm chất nhân ái cho học viên.

2.3.3. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục phẩm chất nhân ái cho học viên tại trung tâm GDNN-GDTX Phụng Hiệp xã Hiệp Hưng, thành phố Cần Thơ

Kết quả khảo sát cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục phẩm chất nhân ái được thực hiện ở mức trung bình khá, với điểm trung bình chung 3,67 và độ lệch chuẩn 0,64. So với các nội dung quản lý khác như kế hoạch, tổ chức và chỉ đạo, đây là khâu có mức độ thực hiện

thấp hơn, phản ánh một điểm hạn chế trong công tác quản lý giáo dục phẩm chất nhân ái tại trung tâm. Trong các nội dung khảo sát, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện kế hoạch đạt kết quả cao nhất, với điểm trung bình 3,97. Điều này cho thấy nhà trường đã bước đầu quan tâm đến việc theo dõi tiến độ và mức độ thực hiện các kế hoạch đã đề ra. Tiếp theo là nội dung đánh giá thông qua kết quả rèn luyện của học viên, đạt 3,83, cho thấy việc sử dụng kết quả rèn luyện làm căn cứ đánh giá đã được triển khai nhưng hiệu quả vẫn chưa thật sự cao.

Ở mức thấp hơn là nội dung kiểm tra việc sử dụng trang thiết bị, đạt 3,69, phản ánh việc giám sát các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục chưa được chú trọng đầy đủ. Đáng chú ý nhất là nội dung kiểm tra sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục, chỉ đạt 3,21, thấp nhất trong các tiêu chí. Tỷ lệ ý kiến ở mức trung bình và yếu chiếm phần lớn, cho thấy sự thiếu chặt chẽ trong giám sát và điều phối hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng liên quan. Kết quả phỏng vấn giáo viên cũng xác nhận thực trạng này khi cho rằng hoạt động kiểm tra, đánh giá hiện chủ yếu vẫn theo kế hoạch định kỳ, thiếu các hình thức đánh giá linh hoạt gắn với từng hoạt động cụ thể. Việc đánh giá qua kết quả rèn luyện của học viên tuy đã có nhưng tiêu chí chưa đủ cụ thể để phản ánh đầy đủ sự chuyển biến về phẩm chất. Đồng thời, kiểm tra việc phối hợp giữa giáo viên, phụ huynh và các lực lượng khác hiện chủ yếu thông qua các cuộc họp định kỳ hoặc báo cáo, chưa có tiêu chí rõ ràng để đánh giá mức độ phối hợp; sự tham gia của phụ huynh cũng chưa đồng đều, việc liên hệ đôi khi còn mang tính một chiều nên hiệu quả thực chất khó được xác định.

Nhìn chung, công tác kiểm tra, đánh giá trong giáo dục phẩm chất nhân ái chưa thật sự đồng bộ và hiệu quả, đặc biệt ở những nội dung liên quan đến sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục và điều kiện thực hiện. Điều này cho thấy trong thời gian tới cần hoàn thiện hệ thống tiêu chí và công cụ đánh giá, tăng cường kiểm tra các hoạt động phối hợp liên lực lượng, đồng thời nâng cao vai trò của kiểm tra, đánh giá như một công cụ quan trọng để điều chỉnh và cải tiến hoạt động giáo dục phẩm chất nhân ái trong thực tiễn.

2.4. Đề xuất biện pháp

Kết quả khảo nghiệm cho thấy các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục phẩm chất nhân ái đều được đánh giá có tính khả thi khá cao. Không có

ý kiến nào lựa chọn mức “Không khả thi”, trong khi các mức “Khả thi” và “Rất khả thi” chiếm tỷ lệ chủ yếu ở tất cả các biện pháp. Điểm trung bình chung về tính khả thi đạt 3,39, độ lệch chuẩn 0,63, phản ánh mức độ đồng thuận tương đối giữa các đối tượng khảo sát, dù mức phân tán vẫn cao hơn so với đánh giá về tính cần thiết.

Xét theo từng biện pháp, biện pháp được đánh giá khả thi nhất là tổ chức đổi mới phương pháp và đa dạng hóa hình thức giáo dục phẩm chất nhân ái, với điểm trung bình 3,55, xếp hạng 1; trong đó tỷ lệ “Rất khả thi” đạt 58,6%. Kết quả này cho thấy việc đổi mới phương pháp và hình thức giáo dục không chỉ cần thiết về mặt lý luận mà còn có khả năng triển khai hiệu quả trong thực tế. Xếp thứ hai là biện pháp xây dựng và hoàn thiện công tác lập kế hoạch, đạt điểm trung bình 3,45; hơn một nửa số ý kiến đánh giá ở mức “Rất khả thi” (51,7%). Điều đó phản ánh công tác kế hoạch có tính khả thi cao vì phù hợp với chức năng, nhiệm vụ thường xuyên của nhà trường.

Biện pháp chỉ đạo và điều phối phối hợp các lực lượng đạt điểm trung bình 3,38, xếp thứ ba. Dù được đánh giá ở mức khá, biện pháp này vẫn có 6,9% ý kiến cho là “Ít khả thi”, cho thấy sự phối hợp đa lực lượng còn gặp khó khăn nhất định. Biện pháp tổ chức bộ máy và cơ chế phối hợp đạt điểm trung bình 3,34, xếp thứ tư, với tỷ lệ “Ít khả thi” là 10,3%, phản ánh những rào cản về tổ chức và nguồn lực khi điều chỉnh cơ chế phối hợp. Thấp nhất là biện pháp đổi mới và tăng cường kiểm tra, đánh giá, đạt điểm trung bình 3,24, xếp thứ năm; đồng thời có tỷ lệ “Ít khả thi” cao nhất là 13,8%. Điều này cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá còn là khâu khó triển khai nhất, chủ yếu do hạn chế về công cụ, tiêu chí và năng lực thực hiện.

Nhìn chung, tất cả các biện pháp đều có tính khả thi ở mức khá và có thể triển khai trong thực tiễn quản lý giáo dục. Tuy nhiên, so với tính cần thiết, mức độ khả thi vẫn thấp hơn, đặc biệt ở các biện pháp liên quan đến tổ chức bộ máy, phối hợp lực lượng và kiểm tra, đánh giá. Điều này cho thấy khi triển khai cần có sự chuẩn bị đầy đủ hơn về nguồn lực, cơ chế và điều kiện thực hiện để nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn.

Kết quả phỏng vấn cũng củng cố cho nhận định trên. Các cán bộ quản lý đều đánh giá cao tính cần thiết của các biện pháp đề xuất, nhất là biện pháp đổi mới phương pháp và hình thức giáo dục. Có ý kiến cho rằng việc đổi mới này “rất phù hợp với xu hướng hiện nay và có tính khả thi cao trong thực

tiền triển khai”. Công tác lập kế hoạch cũng được xem là yếu tố nền tảng quyết định hiệu quả hoạt động giáo dục; một kế hoạch cụ thể, sát thực tế sẽ tạo thuận lợi trong tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, nhiều ý kiến cũng chỉ ra những khó khăn trong cơ chế phối hợp giữa các lực lượng giáo dục, giữa nhà trường, gia đình và xã hội, đồng thời cho rằng công tác kiểm tra, đánh giá còn thiếu tiêu chí và công cụ phù hợp. Ngoài ra, yếu tố nguồn lực, đặc biệt là thời gian và năng lực của giáo viên, cũng được xem là rào cản đối với việc triển khai các biện pháp đổi mới.

So sánh giữa tính cần thiết và tính khả thi cho thấy các biện pháp đều được đánh giá cao ở cả hai phương diện. Điểm trung bình chung về tính cần thiết đạt 3,54, cao hơn mức 3,39 của tính khả thi. Điều đó chứng tỏ các biện pháp không chỉ có cơ sở lý luận mà còn có khả năng triển khai trong thực tế, dù vẫn chịu tác động của điều kiện thực hiện. Trong đó, biện pháp đổi mới phương pháp và đa dạng hóa hình thức giáo dục được đánh giá cao nhất ở cả hai mặt, khẳng định đây là biện pháp vừa cấp thiết vừa khả thi. Ngược lại, các biện pháp liên quan đến tổ chức bộ máy, phối hợp lực lượng và kiểm tra, đánh giá tuy cần thiết nhưng khó thực hiện hơn. Như vậy, kết quả định lượng và định tính có sự tương đồng, bổ trợ lẫn nhau, qua đó khẳng định tính khoa học và thực tiễn của các biện pháp đề xuất, đồng thời gợi mở rằng để nâng cao

tính khả thi cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp, tăng cường nguồn lực và đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá.

III. KẾT LUẬN

Quản lý hoạt động giáo dục phẩm chất nhân ái không chỉ là một nhiệm vụ mang tính hành chính mà thực chất là hành trình dẫn dắt những giá trị sống tốt đẹp thấm sâu vào nhận thức và hành vi của mỗi học viên. Kết quả nghiên cứu tại Trung tâm GDNN-GDTX Phụng Hiệp cho thấy, dù công tác quản lý đã có những bước chuyển mình theo định hướng phát triển phẩm chất, nhưng vẫn còn những khoảng trống cần được lấp đầy bằng sự đổi mới, sáng tạo và tâm huyết. Những hạn chế về kế hoạch, nội dung, phương pháp và sự phối hợp không chỉ là thách thức, mà còn là cơ hội để nhìn lại và tái cấu trúc cách thức quản lý theo hướng nhân văn và hiệu quả hơn. Bởi lẽ, giáo dục nhân ái không thể hình thành từ những quy trình cứng nhắc, mà cần được nuôi dưỡng trong một môi trường giáo dục giàu cảm xúc, nơi mỗi hoạt động đều chạm đến trái tim người học. Với sự quyết tâm và đồng lòng của các lực lượng giáo dục, công tác quản lý hoạt động giáo dục phẩm chất nhân ái sẽ ngày càng được nâng cao, góp phần hình thành những con người không chỉ có tri thức mà còn biết sống tử tế, biết yêu thương - những giá trị cốt lõi cho một xã hội phát triển bền vững và nhân văn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình môn Giáo dục công dân (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Nguyễn Thị Hồng. (2020). Giáo dục phẩm chất nhân ái cho học sinh trung học cơ sở theo tiếp cận giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống. Tạp chí Giáo dục, (477), 45–49.
- Lê Thị Thu Hương. (2021). Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở trong bối cảnh đổi mới giáo dục. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, (53), 67–73.
- Trương Thị Bích, Nguyễn Văn A., & Lê Thị C. (2018). Xây dựng khung tiêu chí đánh giá phẩm chất nhân ái của học sinh phổ thông. American Journal of Educational Research, 6(6), 650–657. <https://doi.org/10.12691/education-6-6-35>
- Gardner, H. (2011). *Truth, beauty, and goodness reframed: Educating for the virtues in the 21st century*. Basic Books.
- Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2016). *Quản lý giáo dục*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần Kiểm (2018). *Khoa học quản lý giáo dục*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- UNESCO (2015). *Rethinking education: Towards a global common good?* UNESCO Publishing.